

VAI TRÒ CỦA CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG VI MÔ TRONG CÔNG CUỘC XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO

Lê Kiên Cường*

1. Tài chính vi mô và các tổ chức tín dụng vi mô

Tài chính vi mô (TCVM) là việc cung cấp các dịch vụ tài chính như tiền gửi tiết kiệm, tín dụng, bảo hiểm, thuê mua... với giá trị giao dịch nhỏ cho các cá nhân, hộ gia đình, các doanh nghiệp nhỏ. Khách hàng của hoạt động TCVM thường là những đối tượng khó tiếp cận được dịch vụ tài chính của các tổ chức tài chính qui mô lớn như ngân hàng, bảo hiểm. Trong khi các tổ chức tài chính qui mô lớn này thường lựa chọn đối tượng khách hàng là các cá nhân, doanh nghiệp lớn để cung cấp dịch vụ tài chính lớn hơn thì các tổ chức tín dụng vi mô lại chú trọng cung cấp dịch vụ tài chính cho người dân nghèo, người yếu thế hoặc những doanh nghiệp nhỏ ở nông thôn, vùng sâu vùng xa với số tiền nhỏ như nhận tiền gửi, tiền để dành, chuyển tiền và cho vay để phát triển kinh tế, giải quyết khó khăn trong đời sống, sinh hoạt, học tập và các nhu cầu chính đáng khác hoặc có ý chí vươn lên trở thành các doanh nghiệp vi mô thành đạt.

Tín dụng vi mô (TDVM) được coi là hình thức cung cấp các dịch vụ tiết kiệm, tín dụng qui mô nhỏ và là một trong các phương thức tốt nhất để góp phần xoá đói, giảm nghèo. Theo Cophi Annan, nguyên Tổng thư ký Liên hiệp quốc: *"tín dụng nhỏ là một phương thức hữu hiệu nhất nhằm giúp đỡ những người dân trên thế giới có*

được nguồn vốn cần thiết để duy trì doanh nghiệp nhỏ của họ, cải thiện điều kiện nhà ở và khả năng phục hồi sau thảm họa thiên tai" (Bản tin thế giới TTXVN ngày 11/10/2005). Theo nhận định của các tổ chức quốc tế, ở các nước phát triển, các tổ chức tài chính chính thức cũng chỉ cung cấp dịch vụ tài chính cho khoảng 25% dân số, 75% dân số còn lại khó tiếp cận. Lý do là vì phần lớn trong số họ thuộc nhóm hộ nghèo có thu nhập thấp, không có tài sản thế chấp hoặc sinh sống cách xa địa bàn hoạt động của các tổ chức này, mặc dù họ cũng có nhu cầu gửi tiền tiết kiệm, nhu cầu vay vốn để phát triển sản xuất hay tiêu dùng và các dịch vụ bảo hiểm nhỏ mà chỉ có các tổ chức tín dụng quy mô nhỏ mới đáp ứng được yêu cầu của họ, do có sự gần gũi về mặt địa dư, ít chi phí phát sinh, thủ tục đơn giản, sự tin tưởng trong giao dịch.

2. Quá trình hình thành tổ chức TDVM ở Việt Nam

Có thể phân hệ thống các tổ chức TDVM ở nước ta thành 2 loại: chính thức và bán chính thức:

- Loại chính thức có các hợp tác xã tín dụng (HTXTD) và các quỹ tín dụng nhân dân (QTDND).

* Lê Kiên Cường, Thạc sỹ kinh tế, Giảng viên Đại học Lạc Hồng, Biên Hòa, Đồng Nai.

- Loại bán chính thức bao gồm các tổ chức, chương trình, hoạt động tín dụng, tiết kiệm thuộc các chương trình, dự án của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp hoặc do các tổ chức phi chính phủ (NGO) trong và ngoài nước được phép thành lập và hoạt động.

a. Tổ chức TDVM chính thức

Sự ra đời Hợp tác xã tín dụng (HTXTD)

Ở nước ta, sau khi hoà bình lập lại, năm 1954, miền Bắc bước vào cuộc cách mạng dân chủ và thực hiện chủ trương “người cày có ruộng”, nông dân được chia ruộng đất, tư liệu sản xuất nhưng thiếu vốn sản xuất. Mặc dù Ngân hàng Quốc gia Việt Nam được thành lập ngày 6/5/1951 theo Sắc lệnh số 15/SL do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký, nhưng vào thời kỳ này (năm 1956) và một số năm tiếp sau, tổ chức ngân hàng chủ yếu mới có đến cấp tỉnh và một số huyện, thị xã vùng đồng bằng và huyện lỵ lớn nên không thể đáp ứng nhu cầu cho vay đối với nông dân, đã tạo ra khoảng trống trên lĩnh vực tài chính ở nông thôn. Tình hình đó đã dẫn đến nạn cho vay nặng lãi phổ biến trong nông thôn.

Trước thực tế đó, Đảng và Nhà nước đã sớm có chủ trương phát triển hợp tác xã tín dụng để giúp nông dân có vốn sản xuất. Ban Bí thư TW Đảng ban hành Chỉ thị số 15/CT-TU ngày 27/4/1956 về việc xây dựng phong trào HTXTD nông thôn. Nhờ đó đến cuối năm 1960 đã có 5.249 HTXTD ra đời và đi vào hoạt động với 2.082 ngàn xã viên, chiếm 71% số hộ ở đồng bằng và 61% số hộ ở miền núi. Sau khi giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về cải tạo các thành phần kinh tế theo 2 thành phần kinh tế là kinh tế quốc doanh và kinh tế HTX. Trong lĩnh vực ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư số 25/TT-NHNN ngày 23/4/1982 hướng dẫn thành lập HTXTD và QTDND ở các tỉnh phía Nam. Nhờ đó, đến cuối năm 1988 cả nước có 7.660 HTX tín dụng. Nhưng do trình độ và năng lực quản lý của đại đa số HTXTD yếu kém,

vốn điều lệ thấp, kinh doanh chạy theo lợi nhuận, NHNN chưa thể hiện được vai trò quản lý nhà nước, chưa có các văn bản quản lý chặt chẽ hệ thống QTD đã rơi vào tình trạng khó khăn. Thêm vào đó những năm 1986-1990 đã xảy ra lạm phát phi mã. Để kiểm chế lạm phát, Chính phủ quyết định sử dụng công cụ lãi suất với mức 12%/ tháng cho loại tiền gửi ngắn hạn dưới 12 tháng. Việc áp dụng công cụ lãi suất này đã có tác dụng nhanh chóng hút một khối lượng tiền mặt đáng kể từ lưu thông về NHNN. Để khuyến khích sản xuất và lưu thông hàng hoá các NHTMNN khi đó được phép cho vay mức lãi suất thấp hơn lãi suất tiền gửi, khoản chênh lệch lỗ này được ngân sách nhà nước cấp bù. Trong lúc đó khi các HTXTD cũng huy động tiền gửi với mức lãi suất 12%/ tháng nhưng phải áp dụng mức lãi suất cho vay cao hơn. Để không bị lỗ các HTXTD cho vay bằng bất cứ giá nào nên các tổ chức, cá nhân vay vốn không trả được nợ nên các HTXTD gặp rủi ro về lãi suất và rủi ro tín dụng là điều tất yếu. Vì vậy, hàng loạt HTXTD mất khả năng thanh toán dẫn đến đổ vỡ, phần lớn bị giải thể, ngưng hoạt động. Kết quả là đến cuối năm 1990 chỉ còn 160/7180 HTXTD, QTD được chuyển thành NHTMCP nông thôn theo Pháp lệnh Ngân hàng, HTXTD và công ty tài chính hoặc sau này chuyển đổi theo mô hình Quỹ tín dụng nhân dân.

- Hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND): ngày 27/7/1993 Chính phủ ban hành Quyết định số 390/QĐ-TTg về việc thí điểm thành lập hệ thống QTDND, NHNN đã tổ chức triển khai thí điểm thành lập vào đầu năm 1994 nhằm huy động nguồn vốn tại chỗ, đáp ứng nhu cầu cho vay đối với các hộ gia đình ở nông thôn để phát triển kinh tế nông nghiệp nhằm thay thế phong trào HTXTD trước đây đã bị đổ vỡ trong những năm 1989-1990. Sau 15 năm thí điểm thành lập và tiến hành đề án củng cố, hoàn thiện và phát triển, đến tháng 12 năm 2008 hệ thống QTDND đã có 1.015 QTDND cơ sở được thành lập và hoạt động trên địa bàn 56 tỉnh, thành phố, với 1.349

ngàn thành viên, tổng nguồn vốn hoạt động đạt 16.674 tỷ đồng, vốn huy động trong dân cư đạt 12.329 tỷ đồng, dư nợ cho vay 14.142 tỷ đồng. Hàng năm có gần 1 triệu lượt thành viên được vay vốn, bình quân mỗi hộ được vay 12 triệu đồng.

Quỹ tín dụng Trung ương (QTDTW) là tổ chức liên kết về vốn cho toàn hệ thống QTDND với 24 chi nhánh ở một số tỉnh thành phố, có tổng số nguồn vốn là 6.352 tỷ đồng, trong đó vốn điều lệ đạt 612 tỷ đồng tăng 500 tỷ do được bổ sung theo quyết định của Chính phủ, nguồn vốn điều hoà từ các QTDND cơ sở là 813 tỷ đồng. Ngoài ra, QTDTW được đại diện cho hệ thống vay từ các tổ chức tài chính quốc tế như WB, ADB và các tổ chức phi chính phủ cùng với vốn vay của NHNN, các tổ chức tín dụng với số dư đạt 1.199 tỷ đồng bằng 26,4% tổng nguồn vốn; tổng số dư nợ cho vay là 5.066 tỷ đồng, trong đó cho vay trong hệ thống là 2.238 tỷ đồng chiếm 44,1% tổng dư nợ, nợ xấu chiếm 0,3% tổng dư nợ (3). Đầu năm 2006 hệ thống QTDND đã cùng nhau thành lập Hiệp hội QTDND được Bộ Nội vụ cấp giấy phép, thu hút 90% số QTDND trở thành hội viên. Tổ chức và hoạt động của hệ thống QTDND được điều chỉnh theo Luật các tổ chức tín dụng năm 1997 và năm 2004 bằng các Nghị định số 48/2001/NĐ-CP ngày 13/8/2001 và Nghị định số 69/2005/NĐ-CP ngày 26/5/2005 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của hệ thống QTDND

b. Tổ chức tín dụng vi mô bán chính thức

Các tổ chức TDVM bán chính thức hoạt động theo quy định tại Nghị định số 28/2005/NĐ-CP ngày 9/3/2005 và Nghị định số 165/NĐ-CP ngày 15/11/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng quy mô nhỏ tại Việt Nam. Ngày 2/4/2008 NHNN Việt Nam đã ban hành thông tư số 02/2008/TT-NHNN hướng dẫn thi hành 2 Nghị định trên. Theo đó các tổ chức TDVM bán chính thức được huy động tiền gửi tiết kiệm bắt buộc và tự nguyện, làm công tác thanh toán trong nội

bộ, nhận uỷ thác cho vay với các tổ chức tín dụng, làm đại lý bảo hiểm... Như vậy cho đến nay các tổ chức TDVM bán chính thức ở nước ta đã được thể chế hoá bằng các văn bản quy phạm pháp luật, được NHNN cấp giấy phép thành lập và hoạt động.

Để giúp vốn sản xuất và đời sống cho các hội viên, đoàn viên các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp như: Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh được Chính phủ cho phép và trợ giúp về vốn đã hình thành các tổ chức TDVM. Các tổ chức TDVM bao gồm các tổ chức như: Tổ tiết kiệm vay vốn của Hội Liên Hiệp Phụ nữ VN, Quỹ hỗ trợ nông dân của Hội Nông dân, Quỹ thanh niên lập nghiệp của Đoàn thanh niên, Quỹ CEP của Liên hiệp Công đoàn thành phố Hồ Chí Minh, chương trình Việt - Bỉ với Hội phụ nữ VN đang hoạt động ở 17 tỉnh, thành. Ngoài ra còn có 57 tổ chức phi chính phủ (NGO) nước ngoài như Quỹ cứu trợ trẻ em Mỹ (SC/US), Adventist Development and Relief Agency (ADRA) Quỹ trợ vốn cho người lao động tạo việc làm, Quỹ tình thương, ActionAid, Chương trình tín dụng Việt - Bỉ. Các tổ chức này đang trợ giúp cho các tổ chức đoàn thể và các địa phương mà Chính phủ hoặc chính quyền địa phương cho phép thành lập để góp phần xoá đói, giảm nghèo với mục tiêu tương trợ cộng đồng. Theo số liệu điều tra tại 60 xã ở vùng núi và khó khăn cho thấy số hộ nghèo được vay vốn từ các tổ chức TDVM bán chính thức khá lớn, chiếm 43%, trong khi vay của Agribank chiếm 30% và vay của Ngân hàng chính sách xã hội chiếm 27%. Kết quả này cho thấy vai trò của tổ chức TDVM bán chính thức không hề nhỏ trong công cuộc xoá đói giảm nghèo.

Nghị định số 28/2005- NĐ-CP và Nghị định 165/NĐ-CP và Thông tư số 02/2008/TT-NHNN đã tạo cơ sở pháp lý cho các tổ chức TDVM hoạt động theo pháp luật, trở thành một định chế tài chính tự chịu trách nhiệm trước các bên có liên quan trong việc huy động vốn, cho vay và nhận uỷ

thác đối với các tổ chức tài chính khác khi thực hiện các dịch vụ uỷ thác mà không dựa vào uy tín của tổ chức chính trị - xã hội theo điều 372 Bộ Luật Dân sự năm 2005 về đảm bảo bằng tín chấp đối với các hộ gia đình nghèo khi vay vốn của các tổ chức tín dụng.

c. Tổ chức tín dụng không chính thức

Tổ chức tín dụng không chính thức là tổ chức do một nhóm người đứng ra tổ chức góp vốn cho vay luân phiên nhau để giải quyết khó khăn trong đời sống với mục tiêu tương trợ, gọi là hội, họ, biêu, phường (gọi tắt là họ). Các tổ chức này được điều chỉnh theo Bộ Luật Dân sự và vừa qua Chính phủ đã ban hành Nghị định số 144/2006. ND-CP ngày 27/11/2006 về hội họ, biêu, phường. Đây là một bước thể chế hoá nhằm đảm bảo trách nhiệm dân sự trong hoạt động của các hội, họ của các thành viên tham gia, theo đó Nghị định không quy định tổ chức tín dụng loại này phải đăng ký tại bất kỳ cơ quan quản lý nhà nước nào và cũng không có cơ quan nào được giao trách nhiệm quản lý; việc giải quyết tranh chấp giữa các thành viên tham gia họ do Tòa án nhân dân các cấp giải quyết.

Như vậy, cho đến nay các loại hình tổ chức TDVM đã được hoạt động theo các quy định của pháp luật, đây cũng là cơ sở để các tổ chức TDVM phát triển một cách có hiệu quả, an toàn hơn.

3. Vai trò của các tổ chức TDVM trong công cuộc xóa đói giảm nghèo

Sau khi Nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ VI (1986) về đổi mới căn bản nền kinh tế nước ta theo đường lối phát triển kinh tế theo cơ chế thị trường có sự kiểm soát của Nhà nước và nhận thức rõ vai trò của TDVM trong công cuộc xóa đói, giảm nghèo ở Việt Nam, Chính phủ đã quyết định thành lập các tổ chức tín dụng chính thức như: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn (Agribank), Ngân hàng Chính sách - xã hội (VBSP), hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND) để cho vay các hộ nghèo, người có thu nhập thấp, những đối tượng chính sách khác. Đến nay, sau 20

năm thành lập, Agribank đã thường xuyên cho trên 10 triệu hộ nông dân vay vốn sản xuất; đến cuối năm 2007 đã có 4,066 triệu hộ nghèo được vay vốn từ VBSP, trên 100% các xã kể cả các xã vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số sinh sống.

Ngoài ra, theo quyết định của Chính phủ, ngoài đối tượng hộ nghèo theo tiêu chí của Bộ Thương binh và xã hội được vay vốn còn mở rộng thêm các đối tượng khác như cho vay giải quyết việc làm, cho vay hộ đồng bào dân tộc thiểu số gặp khó khăn, cho vay hỗ trợ định canh, định cư, cho vay xuất khẩu lao động, cho vay mua nhà trả chậm, cho vay nước sạch và vệ sinh, môi trường, cho vay học sinh, sinh viên nghèo; Bên... cạnh đó các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp như Hội Nông dân, Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên cũng có các chương trình dự án để giúp đỡ các hội viên, đoàn viên gặp khó khăn trên tinh thần tương thân, tương ái. Để triển khai các dự án cho vay vốn đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác Agribank, VBSP đã ký hợp đồng tín dụng uỷ thác với các tổ chức chính trị - xã hội để cung cấp tín dụng đến các hội viên, đoàn viên của mình. Thực hiện hợp đồng uỷ thác tín dụng các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể đã trở thành tổ chức trung gian cung cấp TDVM, cùng với nguồn vốn nhận cho vay uỷ thác và bằng nguồn vốn tự có của mình đã thường xuyên giúp đỡ có kết quả cho các hội viên, đoàn viên gặp khó khăn.

Nhờ những đóng góp lớn trên của các tổ chức TDVM chính thức và phi chính thức đó tỷ lệ hộ nghèo (theo tiêu chí mới) đã giảm đáng kể, từ 15,47% năm 2006 còn 14,7% vào cuối năm 2007 và vào năm 2006 Việt Nam đã hoàn thành mục tiêu thiên niên kỷ do Liên Hiệp quốc phát động, trong đó có công cuộc xóa đói giảm nghèo. Thành tích đó được thế giới ca ngợi, trong đó có sự đóng góp không nhỏ của các tổ chức TDVM chính thức và bán chính thức như hệ thống QTDND, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức phi chính phủ do các NGO trong

nước và quốc tế. Cũng vì những nỗ lực to lớn đó, vừa qua, Diễn đàn doanh nghiệp vi mô Việt Nam lần thứ nhất năm 2007 đã trao giải thưởng “Doanh nhân vi mô Citi Việt Nam 2007” cho 60 doanh nhân vi mô, 30 cán bộ tín dụng xuất sắc và 11 tổ chức TDVM. Trong thực tiễn đã xuất hiện nhiều doanh nghiệp vi mô, cá nhân điển hình. Ví dụ, Ông Nguyễn Hải Bình ở xã miền biển Hải Bình, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá: 10 năm trước khi ông Bình không có ruộng đất, ngư cụ nên được vay 300 ngàn đồng từ Quỹ tín dụng Hải Bình. Hiện nay Ông Bình đã là chủ nhân của một cơ sở cung cấp hải sản cho các đại lý cung ứng cho thị trường trong nước và Trung Quốc với doanh thu 5 tỷ đồng hàng năm, thu hút hơn 100 lao động; chị Phan Thị Lương ở xã Tuân Châu, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc đã vượt qua khó khăn, đói nghèo, chồng chết... Sau 10 năm, với số tiền 10 triệu đồng được Quỹ tín dụng nhân dân xã Tuân Chính cho vay, chị đã trở thành chủ trang trại nuôi cá với doanh thu hàng tỷ đồng mỗi năm, thu hút hàng ngàn lao động ở địa phương. Phát biểu tại cuộc trao giải Ông Charly Madan, Tổng Giám đốc Citi Bank tại Việt Nam nói: “Tôi đã xem hồ sơ của những cá nhân đoạt giải, những câu chuyện của chị Hồng ở Sơn La, chị Sự ở Đồng Nai, chị Lương ở Vĩnh Phúc, mỗi người một vẻ nhưng họ có điểm chung là nỗ lực cao nhất cho việc kinh doanh để gia đình thoát nghèo và trở thành gương sáng cho mọi người xung quanh” (4).

Tuy nhiên, theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới (WB) mặc dù khoảng 70-80% số dân nghèo ở Việt Nam đã tiếp cận được nguồn TDVM, nhưng về chất lượng và phạm vi hoạt động TDVM chưa đáp ứng được yêu cầu của công cuộc xóa đói, giảm nghèo, vẫn còn tình trạng phải đi vay “nóng” với lãi suất cao hoặc tham gia hội họ...

4. Một số khó khăn và giải pháp trong phát triển tổ chức TDVM hiện nay

4.1. Một số khó khăn

Hệ thống QTDND đã được thành lập hơn 15 năm nay nhưng số lượng còn rất hạn

chế, mới chỉ có 1/10 số xã, phường trong cả nước và 56/64 tỉnh, thành phố có QTDND hoạt động. Đặc biệt 8 tỉnh, thành phố, trong đó có các tỉnh miền núi, trung du như Thái nguyên, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn... chưa có Quỹ tín dụng số quỹ trên địa bàn, một số tỉnh có số lượng ít nhất là các tỉnh, thành phố lớn như Cần Thơ có 3 quỹ, Hậu Giang có 1 quỹ, Bến Tre có 3 quỹ v.v...; số thành viên cũng chỉ chiếm khoảng 1/10 hộ gia đình tham gia. Từ đó có thể thấy rằng dư âm của sự thiếu tin cậy, mặc cảm của người dân, chính quyền, cấp uỷ các địa phương đối với phong trào HTXTD trong những năm 1989-1990 vẫn còn khá nặng nề. Mặt khác tâm lý e ngại của NHNN ở một số tỉnh khi thành lập thêm QTDND như trách nhiệm quản lý trở nên nặng nề hơn. Việc thành lập QTDND là do nhu cầu khách quan của kinh tế thị trường và của người dân không nên chạy theo phong trào như những năm 1997-1998, nhưng nếu không có giải pháp khắc phục những rào cản về tâm lý của người dân và các cơ quan nhà nước thì khó đạt được kế hoạch theo định hướng phát triển đến năm 2020 của NHNN có số lượng 1.700 QTDND.

Mặc dù tổ chức của tổ chức TDVM bán chính thức theo Luật Doanh nghiệp nhưng nội dung chủ yếu là hoạt động ngân hàng bao gồm huy động tiền gửi, cho vay món nhỏ, hoạt động thanh toán trong nội bộ, nhận uỷ thác vốn vay, đại lý bảo hiểm và chấp hành các quy định về quy chế thành lập, quản trị, điều hành, quy chế an toàn trong hoạt động ngân hàng, nhưng theo điều 30 Nghị định số 165/2007/NĐ-CP quy định việc thực hiện hạch toán, chứng từ theo quy định của Bộ Tài chính, như vậy hệ thống tài khoản, chế độ hạch toán kế toán đến chứng từ, báo cáo có thể không tương thích với hệ thống tài khoản của tổ chức tín dụng nên rất khó cho việc tổng hợp số liệu kế toán, thống kê của các tổ chức tín dụng.

Một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về tổ chức TDVM còn bất cập:

- Thông tư số 02/2008/TT-NHNN hướng dẫn Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên, trong đó có tổ chức chính trị - xã hội và được thành lập bằng vốn góp của 2 hay nhiều tổ chức, cá nhân nhưng không quá 5 thành viên trong đó phải có 1 tổ chức chính trị - xã hội cùng góp vốn thành lập. Như vậy khi một số tổ chức phi chính phủ NGO nước ngoài tài trợ, đã có dự án thành lập các tổ chức TDVM rất khó chuyển đổi theo mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên vì các tổ chức này thường có số lượng cá nhân là những người dân nghèo đã góp vốn thành lập có hơn 5 thành viên.

Thông tư số 02/2008/TT-NHNN cũng không quy định việc gửi báo cáo và tổng hợp báo cáo kế toán, thống kê, kết quả tài chính theo định kỳ của các tổ chức TDVM cho cơ quan quản lý hay là Vụ Chức năng của NHNN nên sẽ không biết ai chịu trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra, tổng hợp số liệu báo cáo; mặt khác, sẽ gặp khó khăn khi đánh giá tăng trưởng tín dụng của các tổ chức này để phục vụ cho điều hành chính sách tiền tệ.

4.2. Một số kiến nghị giải pháp

Để góp phần xoá đói, giảm nghèo, hạn chế tái nghèo nhất là trong thời kỳ lạm phát cao như hiện nay, tái cơ cấu các tổ chức TDVM nhằm cung cấp tín dụng vi mô cho các đối tượng người nghèo và góp phần thực hiện tốt vấn đề tam nông, đề nghị Nhà nước có các chính sách khuyến khích, phát triển các loại hình tổ chức TDVM khác nhau, trước mắt:

a. Đề nghị chỉ đạo phát triển vững chắc hệ thống QTDND ở những địa bàn có kinh tế phát triển, có nhu cầu về huy động và cho vay vốn trên cơ sở có sự nhất trí của chính quyền địa phương. Để thực hiện NHNN các cấp cần phối hợp với cơ quan truyền thông tuyên truyền để nhân dân hiểu rõ hơn về mô hình tổ chức QTDND kiểu mới, phối hợp với cấp uỷ, chính quyền địa phương, Hiệp hội QTDND tổ chức vận động và thành lập ban vận động thành lập QTDND mới ở những địa phương có nhu cầu và đủ điều kiện cần thiết.

b- Nhằm đa dạng hoá các tổ chức TDVM, đề nghị bổ sung, sửa đổi một số điều khoản như vốn điều lệ, xác nhận của UBND xã phường chấp thuận để tạo điều kiện cho các tổ chức TDVM do các NGO trong và ngoài nước thành lập, hoặc hướng dẫn chuyển đổi theo mô hình tổ chức TDVM thích hợp như QTDND, nhằm tranh thủ sự trợ giúp về vốn, công nghệ của các NGO nước ngoài với thiện chí giúp nước ta trong công cuộc xoá đói, giảm nghèo.

c. Đề nghị sửa lại quy định vốn điều lệ của QTDND từ 100 triệu đồng như hiện nay lên 1 tỷ đồng nhằm đảm bảo hoạt động an toàn và phát triển.

d. Đề nghị sửa đổi điều 30 Nghị định số 165/2007/NĐ-CP quy định về hạch toán và chế độ chứng từ theo quy định của NHNN thay cho Bộ Tài chính, nhằm có sự thống nhất các chỉ tiêu về kế toán, thống kê với các loại hình tổ chức tín dụng khác.

e. Đề nghị NHNN bổ sung điều khoản trong Thông tư số 02/2008 hướng dẫn chế độ báo cáo kế toán, thống kê, nơi tiếp nhận và kiểm tra báo cáo của các tổ chức TDVM.

Mong rằng những ý kiến trên đây được các cơ quan có liên quan xem xét và cùng bạn đọc quan tâm để góp phần phát triển tổ chức TDVM ở nước ta sớm trở thành công cụ đắc lực góp phần xoá đói, giảm nghèo và thực hiện tốt vấn đề tam nông ở nước ta./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Quách Tường Vi (2008), "Tài chính vi mô các mô hình thành công trên thế giới", *Tạp chí Ngân hàng*, số 13 tháng 7 năm 2008.
- Nguyễn Xuân Sơn(2006), "50 năm xây dựng và phát triển tín dụng hợp tác xã", *Tạp chí Ngân hàng* số 3 tháng 2/2006
- Vụ tổ chức tín dụng hợp tác(2008), Báo cáo tình hình hoạt động của hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân, tháng 12 năm 2008.
- *Thời báo Kinh tế Việt Nam* số 301 ngày 17/12/2007, *Thời báo Ngân hàng* tháng 12/2007.
- Nghị định số 28/2006/NĐ-CP, Nghị định số 165/2007/NĐ-CP, Thông tư số 02/2008/TT-NHNN.